TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **269**/2026/DS-PT
Ngày: 12 - 5 - 2026
"V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Y Phi Kbuôr,
2. Ông Lý Thơ Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2026/DS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2026/QĐ-PT ngày 22/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1967 và bà Võ Thị T1, sinh năm 1969 (đều có mặt);

Địa chỉ: Thôn M, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn M, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000 (văn bản uỷ quyền ngày 03/11/2025); Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc H - Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1 trình bày có nội dung như sau:* Vợ chồng ông bà có mối quan hệ mua bán nông sản với bà Nguyễn Thị A. Ông bà có bán tiêu cho bà A và có mua của bà A số lượng 18 tấn cà phê nhân xô quy chuẩn, cụ thể: Ngày 29/6/2023 nhằm ngày 12/5/2023 (âm lịch) ông bà mua của bà A số lượng 15.000 kg cà phê nhân quy chuẩn và ngày 05/9/2023 nhằm ngày 21/9/2023 (âm lịch) ông bà tiếp tục mua của bà A số lượng 3.000 kg cà phê nhân xô quy chuẩn, hai bên có

xác lập "Hợp đồng mua bán cà phê", bà A có xác nhận vào hợp đồng mua bán, ông bà đã giao đủ tiền cho bà A, đồng thời bà A hẹn đến ngày 20/12/2023 sẽ giao đủ số lượng cà phê nhân xô quy chuẩn đã bán cho ông bà. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, bà A đã trả cà phê nhân xô quy chuẩn cho ông bà nhiều lần, đến ngày 11/4/2024 bà A xác nhận còn nợ ông bà số lượng 11.623,7 kg cà phê nhân xô quy chuẩn và hẹn đến tháng 10 năm 2024 sẽ trả đủ. Sau đó, bà A tiếp tục trả cho ông bà số lượng 2.017,5 kg cà phê nhân xô quy chuẩn, hiện nay còn nợ ông bà số lượng 9.606,2 kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị A phải trả cho ông bà số lượng 9.606,2 kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị A và người đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày có nội dung như sau:* Bà Nguyễn Thị A và vợ chồng ông Trần Văn T, bà Võ Thị T1 có quan hệ mua bán nông sản với nhau. Quá trình mua bán, vợ chồng ông T, bà T1 có bán tiêu cho bà A, đồng thời mua lại cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn của bà A, giá tại thời điểm bán là 45.000 đồng/kg, hai bên quy ra cà phê thành 18 tấn nhân xô quy chuẩn đúng như hai hợp đồng mua bán cà phê mà ông T, bà T1 đã trình bày. Sau khi ký hợp đồng mua bán bà A đã trả được nhiều lần, hai bên đã tính lại và ghi lại thành giấy vay đề ngày 11/4/2024 (âm lịch), nhưng thực tế là mua bán cà phê với nhau, trong giấy bà A ghi là nợ vợ chồng ông T số lượng 11.623,7 kg cà phê nhân hẹn đến tháng 10/2024 sẽ trả đủ. Sau đó, ngày 16/7/2025 (âm lịch) bà A đã trả được cho vợ chồng ông T số lượng 2.017,5kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn, mỗi lần bà A trả cà phê cho vợ chồng ông T đều trả cà phê nhân xô quy chuẩn. Hiện nay, bà A còn nợ vợ chồng ông T 9.606,2 kg cà phê, trong giấy vay cà phê chỉ ghi là cà phê nhân không nói là nhân xô quy chuẩn, nay vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu bà A trả 9.606,2 kg cà phê nhân xô quy chuẩn thì bà A không đồng ý. Bà A chỉ đồng ý trả cà phê nhân và hẹn cuối tháng 12 hàng năm sẽ trả 02 (hai) tấn cà phê nhân, trả dần cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2026/DS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 439, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" với bà Nguyễn Thị A.

Buộc bà Nguyễn Thị A phải trả cho ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1 số lượng 9.606,2 Kilôgam cà phê nhân xô quy chuẩn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị A phải chịu số tiền 40.530.414 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1 số tiền 22.845.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực C - Đắk Lắk, theo biên lai số 0000881 ngày 19/9/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/02/2026, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị A là bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H là không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị A là bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận: Ông Trần Văn T, bà Võ Thị T1 và bà Nguyễn Thị A có quan hệ mua bán nông sản với nhau, cả hai bên có xác lập hai "Hợp đồng mua bán cà phê" đề ngày 29/6/2023 nhằm ngày 12/5/2023 âm lịch và ngày 05/9/2023 nhằm ngày 21/9/2023 âm lịch (Bút lục 36, 39), trong đó bà Nguyễn Thị A bán cho ông Trần Văn T, bà Võ Thị T1 tổng cộng 18.000kg cà phê nhân đủ quy chuẩn; ông T, bà T1 đã giao đủ tiền, bà A chưa giao cà phê, hẹn đến ngày 20/12/2023 âm lịch giao đủ. Sau đó, bà A đã trả một phần cà phê cho ông T bà T1. Ngày 11/4/2024 âm lịch, bà A viết "Giấy vay cà phê", trong đó xác nhận còn nợ ông T bà T1 11.623,7kg cà phê nhân, hẹn tháng 10/2024 hoàn trả. Ngày 07/9/2025 nhằm ngày 16/7/2025 âm lịch, bà A đã trả cho ông T, bà T1 2.017,5kg cà phê nhân xô đủ quy chuẩn và viết "Giấy trả cà phê nhân" xác nhận còn nợ 9.606,2 kg, hẹn mùa cà 2025 hoàn trả (Bút lục 29).

Như vậy, hai bên xác lập hợp đồng mua bán cà phê nhân đủ quy chuẩn, bà A cũng trả nhiều lần cho ông T bà T1 đều là cà phê nhân đủ quy chuẩn. Do đó, việc

bà A cho rằng bà A còn nợ 9.606,2 kg cà phê nhân xô, không phải nhân xô đủ quy chuẩn là không có căn cứ.

Việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1 là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị A là bà Nguyễn Thị Ngọc H; Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 439, Điều 440 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1.

Buộc bà Nguyễn Thị A phải trả cho ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1 số lượng 9.606,2 Kilôgam cà phê nhân xô quy chuẩn.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu số tiền 40.530.414 đồng *(bốn mươi triệu năm trăm ba mươi ngàn bốn trăm mười bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần Văn T và bà Võ Thị T1 số tiền 22.845.000 đồng *(hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực C, tỉnh Đắk Lắk, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000881 ngày 19/9/2025.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp (Nguyễn Thị Ngọc H nộp thay) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực C, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001704 ngày 09/02/2026.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 9 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 9 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực C, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hồng